

Bản án số: 145/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 26 - 6 - 2025

V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Viện

Bà Nguyễn Thị Mai Hoa

- Thư ký phiên tòa:

Bà Cao Thị Thu Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2025/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2025/QĐXX-ST ngày 08 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2025/QĐ - PT ngày 28/5/2025 giữa:

* **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Thanh D, sinh ngày 24/9/1987 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: xã T, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

* **Bị đơn:** Anh Lê Văn L, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Nơi thường trú trước khi xuất cảnh: xã D, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Nhật Bản.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh D trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Vladivostok - LB Nga ngày 11/12/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống hoà thuận, hạnh phúc

với nhau tại xã D, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá được một thời gian, đến năm 2020 chị D và anh L đi xuất khẩu lao động, sinh sống và làm việc tại Nhật Bản. Quá trình chung sống, đến giữa năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung, không có sự thông cảm chia sẻ, không tôn trọng nhau, thường xuyên cãi nhau và vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Năm 2024 chị D trở về Việt Nam, anh L vẫn sinh sống và làm việc tại Nhật Bản và không liên lạc với nhau. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn xin ly hôn với anh Lê Văn L.

- Về con chung: Chị Phạm Thị Thanh D và anh Lê Văn L không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản và công nợ chung: Chị Phạm Thị Thanh D và anh Lê Văn L không có tài sản và nợ chung nên chị không yêu cầu giải quyết.

- * Bị đơn là anh Lê Văn L không có mặt tại Việt Nam, và không có địa chỉ cụ thể ở Nhật Bản.

- * Tại Biên bản lấy lời khai các ngày 09/5/2025 và ngày 29/5/2025 ông Lê Văn T là bố đẻ của anh Lê Văn L trình bày:

- Ông là bố đẻ của anh Lê Văn L. Anh L và chị D kết hôn với nhau là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại LB Nga năm 2017. Quá trình chị D và anh L chung sống với nhau có mâu thuẫn như thế nào gia đình không biết, gia đình chỉ biết anh L và chị D ở xa nhau nên không còn tình cảm. Nay anh L đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản; gia đình bà không biết địa chỉ cụ thể của anh L tại Nhật Bản, thỉnh thoảng gia đình và anh L vẫn liên lạc với nhau.

- Về con chung: Anh L và chị D không có con chung.

- Về tài sản chung: Anh L và chị D không có tài sản chung gì.

Việc ly hôn là do anh chị quyết định, gia đình không có ý kiến gì. Ông Lê Văn T đồng ý nhận giấy tờ, văn bản, các quyết định tố tụng của Tòa án thay cho anh L, và cam kết sẽ thông báo đầy đủ thông tin cho anh L. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- * Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị Phạm Thị Thanh D có đơn xin xử vắng mặt, anh Lê Văn L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử vắng mặt chị Dung và anh L theo thủ tục chung.

- * Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, trong quá trình thụ lý, giải quyết đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Thanh D, xử cho chị Phạm Thị Thanh D được ly hôn anh Lê Văn L. Về con chung: Chị Phạm Thị Thanh D và anh Lê Văn L không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và công nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị Thanh D khởi kiện xin ly hôn với anh Lê Văn L hiện đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn: Chị Phạm Thị Thanh D cung cấp địa chỉ nơi cư trú trước khi xuất cảnh của anh L ở Việt Nam, địa chỉ: xã D, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hóa; không cung cấp được địa chỉ của anh L ở tại Nhật Bản. Gia đình anh L thường xuyên liên lạc với anh L, nhưng không biết địa chỉ cụ thể nơi làm việc, sinh sống của anh L tại Nhật Bản.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo, quyết định tố tụng cho anh L thông qua ông Lê Văn T là bố đẻ của anh Lê Văn L, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng tại UBND xã D, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hóa là nơi gia đình anh L đang sinh sống; gia đình anh L đồng ý nhận văn bản, quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa và cam kết thông báo đầy đủ thông tin cho anh L, nhưng anh L không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi ý kiến cho Tòa án.

Chị Phạm Thị Thanh D có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Lê Văn L đã được Toà án tổng đạt hợp lệ lần thứ 2 các văn bản tố tụng nhưng anh L vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh D và anh Lê Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn ngày 11/12/2017 tại Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Vladivostok - LB Nga là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống hoà thuận, hạnh phúc với nhau tại xã D,

huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá được một thời gian; đến năm 2020 thì chị D và anh L đi xuất khẩu lao động, sinh sống và làm việc tại Nhật Bản; đến giữa năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung, không có sự thông cảm chia sẻ, không tôn trọng nhau, thường xuyên cãi nhau và vợ chồng đã sống ly thân. Năm 2024 chị D trở về Việt Nam thì giữa chị D và anh L vẫn mỗi người một nơi, khoảng cách địa lý lại xa xôi nên không ai quan tâm đến ai. Nay chị D thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn xin ly hôn với anh L. HĐXX thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. HĐXX xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, xử cho chị Phạm Thị Thanh D được ly hôn với anh Lê Văn L là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị Thanh D và anh Lê Văn L không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Chị D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị Thanh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 3; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Thanh D.

Xử:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh D được ly hôn anh Lê Văn L.
- Về con chung: Chị Phạm Thị Thanh D và anh Lê Văn L không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản và công nợ chung: Chị Phạm Thị Thanh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Chị Phạm Thị Thanh D phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị D đã nộp theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000003817176

ngày 15/4/2025 tại Kho bạc Nhà nước khu vực X; đơn vị nhận tiền là Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chị D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Thanh D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ. Anh Lê Văn L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC;
- Viện phúc thẩm 1, VKSNDTC;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hoá;
- UBND xã D (nay là xã Q);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đào Thị Thu Thủy

